



第5课：我最近越来越胖了。

Bài 5: Dạo này em càng ngày càng béo.





fā shāo
发烧

1

wéi
为

2

zhào gù
照顾

3

yòng
用

4

gǎnmào
感冒

5

jìjié
季节

6

dāngrán
当然

7

chūntiān
春天

8



cǎo
草

9

xiàtiān
夏天

10

qiūtiān
秋天

11

dōngtiān
冬天

12

qúnzi
裙子

13

zuìjìn
最近

14

yuè lái yuè
越来越

15

 LIVEWORKSHEETS

课文 1: 在小丽家

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



05-1

péng you: Wǒ tīng shuō nǐ shēn tǐ bù shū fu, zěn me le?

朋友: 我听说你身体不舒服, 怎么了?

Xiǎo lì: Qián jǐ tiān yǒu diǎnr fā shāo, xiàn zài hǎo duō le.

小丽: 前几天有点儿发烧, 现在好多了。

péng you: Hē bēi chá ba, zhè shì wǒ wèi nǐ mǎi de

朋友: 喝杯茶吧, 这是我为你买的

lǜ chá, hěn bú cuò.

绿茶, 很不错。

Xiǎo lì: Xiè xie, wǒ yào chī yào, bù hē chá le.

小丽: 谢谢, 我要吃药, 不喝茶了。

péng you: Nà hē bēi shuǐ ba.

朋友: 那喝杯水吧。

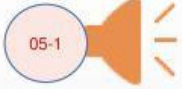
Xiǎo lì: Hǎo de.

小丽: 好的。



课文 1: 在小丽家

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



朋友：我听说你身体不舒服，怎么了？

小丽：前几天有点儿发烧，现在好多了。

朋友：喝杯茶吧，这是我为你买的
绿茶，很不错。

小丽：谢谢，我要吃药，不喝茶了。

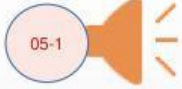
朋友：那喝杯水吧。

小丽：好的。



课文 1: 在小丽家

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Bạn: Tôi nghe nói bạn không được khỏe, sao vậy?

Tiểu Lệ: Mấy ngày trước tôi hơi bị sốt, bây giờ đỡ nhiều rồi.

Bạn: Uống một cốc trà nhé, đây là trà xanh tôi mua cho bạn, rất ngon.

Tiểu Lệ: Cảm ơn, tôi phải uống thuốc nên không uống trà nữa.

Bạn: Vậy uống một cốc nước nhé.

Tiểu Lệ: Được ạ.



课文 2: 打电话

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



05-2



Zhōu tài tai: Duì bu qǐ, wǒ míng tiān bù néng hé nǐ men chū qù wánr le.

周太太：对不起，我明天不能和你们出去玩儿了。

Zhāng tài tai: Wèi shén me? Zěn me le?

张太太：为什么？怎么了？

Zhōu tài tai: Wǒ ér zi shēng bìng le, wǒ yào zài jiā zhào gù tā.

周太太：我儿子生病了，我要在家照顾他。

Zhāng tài tai: Tā chī yào le ma? Yào bú yào qù yī yuàn?

张太太：他吃药了吗？要不要去医院？

Zhōu tài tai: Bú yòng qù yī yuàn, zuó tiān chī le gǎn mào yào, xiàn zài hǎo yì xiē le.

周太太：不用去医院，昨天吃了感冒药，现在好一些了。

Zhāng tài tai: Nà wǒ men xià cì zài yì qǐ chū qu wánr ba.

张太太：那我们下次再一起出去玩儿吧。

 **LIVEWORKSHEETS**

课文 2: 打电话



周太太：对不起，我明天不能和你们出去玩儿了。

张太太：为什么？怎么了？

周太太：我儿子生病了，我要在家照顾他。

张太太：他吃药了吗？要不要去医院？

周太太：不用去医院，昨天吃了感冒药，现在好一些了。

张太太：那我们下次再一起出去玩儿吧。

课文 2: 打电话

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



05-2



Bà Chu: Xin lỗi, ngày mai tôi không thể đi chơi cùng mọi người được rồi.

Bà Trương: Tại sao vậy? Có chuyện gì thế?

Bà Chu: Con trai tôi bị ốm, tôi phải ở nhà chăm sóc cháu.

Bà Trương: Cháu đã uống thuốc chưa? Có cần đi bệnh viện không?

Bà Chu: Không cần đi bệnh viện, hôm qua cháu đã uống thuốc cảm rồi, bây giờ khá hơn một chút.

Bà Trương: Vậy lần sau chúng ta lại cùng nhau đi chơi nhé.

课文 3: 在小刚家

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



05-3

Xiǎo lì: Nǐ zuì xǐ huan nǎ ge jì jié?

小丽：你最喜欢哪个季节？

Xiǎo gāng: Dāng rán shì chūn tiān, tiān qì bú nà me lěng le,

小刚：当然是春天，天气不那么冷了，

cǎo hé shù dōu lǜ le, huā yě kāi le.

草和树都绿了，花也开了。

Xiǎo lì: Wǒ zuì xǐ huan xià tiān, yīn wèi wǒ kě yǐ chuān piào liang de qún zi le.

小丽：我最喜欢夏天，因为我可以穿漂亮的裙子了。

Xiǎo gāng: Nà wǒ yě xǐ huan xià tiān le.

小刚：那我也喜欢夏天了。

Xiǎo lì: Zěn me? Nǐ yě yǒu piào liang de qún zi?

小丽：怎么？你也有漂亮的裙子？

Xiǎo gāng: Bù, wǒ xǐ huan kàn nǐ chuān piào liang de qún zi.

小刚：不，我喜欢看你穿漂亮的裙子。



课文 3: 在小刚家



小丽：你最喜欢哪个季节？

小刚：当然是春天，天气不那么冷了，

草和树都绿了，花也开了。

小丽：我最喜欢夏天，因为我可以穿漂亮的裙子了。

小刚：那我也喜欢夏天了。

小丽：怎么？你也有漂亮的裙子？

小刚：不，我喜欢看你穿漂亮的裙子。



课文 3: 在小刚家

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



Tiểu Lệ: Bạn thích mùa nào nhất?

Tiểu Cương: Tất nhiên là mùa xuân rồi, thời tiết không còn lạnh như vậy nữa, cỏ và cây đều xanh lên, hoa cũng nở rồi.

Tiểu Lệ: Tôi thích mùa hè nhất, vì tôi có thể mặc những chiếc váy đẹp.

Tiểu Cương: Vậy thì tôi cũng thích mùa hè rồi.

Tiểu Lệ: Sao thế? Bạn cũng có váy đẹp à?

Tiểu Cương: Không, tôi thích nhìn bạn mặc những chiếc váy đẹp.



课文 4: 在小刚家

Tiếng Trung Tâm Hà HSK 037.996.4805



05-4

Xiǎo lì: Wǒ zuì jìn yuè lái yuè pàng le.

小丽：我最近越来越胖了。

Xiǎo gāng: Shéi shuō de? Wǒ jué de nǐ yuè lái yuè piào liang le.

小刚：谁说的？我觉得你越来越漂亮了。

Xiǎo lì: Nǐ kàn, zhè tiáo qún zi shì qù nián mǎi de, jīn nián jiù bù néng chuān le.

小丽：你看，这条裙子是去年买的，今年就不能穿了。

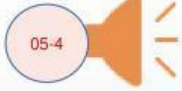
Xiǎo gāng: Nà shì yīn wèi nǐ chī de tài duō le, shǎo chī diǎnr ba.

小刚：那是因为你吃得太多了，少吃点儿吧。

Xiǎo lì: Wǒ zuò de fàn yuè lái yuè hǎo chī, wǒ néng shǎo chī ma?

小丽：我做的饭越来越好吃，我能少吃吗？





小丽：我最近越来越胖了。

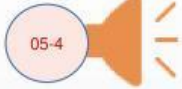
小刚：谁说的？我觉得你越来越漂亮了。

小丽：你看，这条裙子是去年买的，今年就不能穿了。

小刚：那是因为你吃得太多了，少吃点儿吧。

小丽：我做的饭越来越好吃，我能少吃吗？





Tiểu Lệ: Dạo này tôi ngày càng béo lên rồi.

Tiểu Cương: Ai nói thế? Tôi thấy bạn ngày càng xinh đẹp hơn mà.

Tiểu Lệ: Bạn nhìn này, cái váy này mua năm ngoái,
năm nay đã không mặc được nữa rồi.

Tiểu Cương: Đó là vì bạn ăn nhiều quá, ăn ít lại một chút đi.

Tiểu Lệ: Món tôi nấu ngày càng ngon, tôi có thể ăn ít được sao?

